

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **55/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/9/2020.

“V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tâm**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Bình**

Ông **Nguyễn Văn Lương.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án.**

Đại diện VKSND Q. Hoàng Mai tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 448/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60 ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc về việc “*Xin ly hôn*” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H – sinh năm 1968

HKTT: Xóm 1, Phường Đ, quận Hoàng Mai, Hà Nội;

Chỗ ở: phường Đ, quận H, Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Bà Triệu Thị Trần B – sinh năm 1968

HKTT: Xóm 1 phường Đ, quận , Hà Nội.

Đang thi hành án tại Đội 41, phân trại 3 Trại giam Thanh Xuân - Bộ Công an. (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày: Ông H và bà B tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/1994 tại UBND phường S, thị xã C (nay là Thành phố C), tỉnh C. Trước đó chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống tại phường S, thị xã C, tỉnh C,

đến năm 2003 cả gia đình chuyển về Hà Nội và đăng ký thường trú tại xóm 1 phường Đ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, bất đồng về nuôi dạy con dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, công việc của ông hay phải đi công tác xa, vợ ở nhà làm gì ông không được biết. Hậu quả vợ ông bị bắt và hiện đang chấp hành án phạt tù 20 năm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Trại giam Thanh Xuân – Bộ Công an. Nay ông H xác định vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ nên ông H xin ly hôn với bà B.

Về con chung: Ông và bà B có 02 con chung là Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/1994 và Trần Triệu Minh NH – sinh 14/7/2009. Cháu H đã trưởng thành, ông không có ý kiến gì, cháu Nh còn nhỏ ông xin nuôi con và không yêu cầu bà B đóng góp.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Ông và bà B không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà B không có khoản nợ chung nào.

Tại Biên bản lấy lời khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn bà Triệu Thị Trần B trình bày: Bà B xác nhận bà và ông Trần Ngọc H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thị xã C, tỉnh Cao B. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở tỉnh C đến năm 2003 thì cả gia đình chuyển về Hà Nội sinh sống. Năm 2014 bà bị bắt tạm giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù. Hiện bà đang chấp hành án tại Phân trại 3 – Trại giam Thanh Xuân, Bộ Công an. Do thời gian chấp hành án lâu, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên nay ông H xin ly hôn thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Bà xác nhận bà và ông H có 02 con chung là Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/1994 và Trần Triệu Minh Nh – sinh 14/7/2009. Cháu H đã trưởng thành nên bà không có ý kiến gì khác. Hiện bà đang chấp hành án nên bà đồng ý để ông H nuôi cháu Nh.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Quá trình chung sống bố mẹ chồng bà có mua cho vợ chồng bà 01 căn nhà. Hiện tại bà đang chấp hành án và trong thời gian chung sống bà cũng không có công sức đóng góp gì nên việc bà không có yêu cầu gì về tài sản chung và nhà đất ở chung.

Về nợ chung: Ông bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên bà không có yêu cầu gì.

Bà B đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà B. Về con chung, ông và bà B có 02 con chung là Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/1994 và Trần Triệu Minh Nh – sinh 14/7/2009. Cháu H đã trưởng thành ông không có ý kiến, ông có nguyện vọng xin nuôi cháu Nh và không yêu cầu bà B đóng góp nuôi con.

Bị đơn bà Triệu Thị Trần B xin vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Triệu Thị Trần B.

- *Đại diện VKSND quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa*, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và việc tuân theo pháp luật của các đương sự; Đồng thời đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện việc giao thông báo của Tòa án cho các đương sự, tiến hành các bước tố tụng đúng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, HĐXX đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng.

+ Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều chấp hành nghiêm chỉnh theo đúng quy định pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Ông Trần Ngọc H xin ly hôn bà Triệu Thị Trần B, bà Triệu Thị Trần B đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B.

Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B cùng xác nhận có 02 con chung là Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/1994 và Trần Triệu Minh Nh – sinh 14/7/2009. Cháu Trần Quốc H đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án xem xét. Đối với cháu Trần Triệu Minh Nh đã trên 7 tuổi, cháu Nh đã có Bản tự khai và thể hiện nguyện vọng xin ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Ông H xin nuôi cháu Nhật và không yêu cầu bà B đóng góp nuôi con, bà B hiện đang chấp hành án và cũng đồng ý để ông H nuôi con. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Trần Triệu Minh Nh cho ông Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con do hiện bà B đang chấp hành án phạt tù nên đề nghị HĐXX không xét.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung: Ông H trình bày không có, bà B không có ý kiến gì về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông H và bà B đều xác nhận không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Ông Trần Ngọc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Ông Trần Ngọc H xin ly hôn với bà Triệu Thị Trần B. Bà B có hộ khẩu thường trú tại Xóm 1 phường Đ, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Tại Bản án số 126/2016/HSST ngày 08/4/2016 Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã xử phạt bà Triệu Thị Trần B 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hiện bà B đang chấp hành án tại Đội 41, phân trại 3 Trại giam Thanh Xuân - Bộ Công an. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc bà Triệu Thị Trần B vắng mặt và đã có ý kiến xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà B.

{2} Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc H: Tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 12/5/1994 tại UBND phường Sông B, thị xã C (nay là Thành phố C), tỉnh C. Vì vậy hôn nhân giữa ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của ông H, bà B thể hiện: mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Năm 2016 bà B bị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đang chấp hành án tại Phân trại số 3 – Trại giam Thanh Xuân, Bộ Công An. Ông H xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chờ đợi nên ông H xin ly hôn. Việc ông H xin ly hôn bà B đồng ý ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B.

{3} Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B cùng xác nhận có 02 con chung là: Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/1994 và Trần Triệu Minh Nh – sinh

14/7/2009. Cháu Trần Quốc H đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với cháu Trần Triệu Minh Nh đã trên 7 tuổi, cháu Nh đã có Bản tự khai và thể hiện nguyện vọng xin ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Ông H xin nuôi cháu Nh và không yêu cầu bà B đóng góp nuôi con, bà B hiện đang chấp hành án và cũng đồng ý để ông H nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: giao con chung là Trần Triệu Minh Nh cho ông Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật và thực tế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà B đóng góp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Ông H, bà B cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

{4} Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

{5} Về quyền kháng cáo: Ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55; Khoản 2 Điều 81; Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B.

Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Triệu Thị Trần B có 02 con chung là Trần Quốc H – sinh ngày 24/12/1994 và Trần Triệu Minh Nh – sinh 14/7/2009. Cháu Trần Quốc H đã đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xét.

Giao con chung là cháu Trần Triệu Minh Nh cho ông Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Ngọc H không yêu cầu bà Triệu Thị Trần B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Triệu Thị Trần B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nhà đất ở chung và nợ chung: Ông Trần Ngọc H, bà Triệu Thị Trần B xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Ông Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông Trần Ngọc H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005702 ngày 03/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Ông Trần Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Triệu Thị Trần B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàng Mai;
- THA Q. Hoàng Mai;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND phường S, Thành phố C, tỉnh C
(GCNKH số 13/12.05.1994);
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm